TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kim Thị P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Tăng Col S**, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2020 (BL20), cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị P trình bày: Năm 2012, chị Kim Thị P và anh Tăng Col S có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại ấp B, xã T, thị xã VC. Trong quá trình chung sống với nhau chị P và anh S có 02 (hai) con chung là cháu Tăng Kim Ngọc Y (nữ), sinh ngày 30/10/2012 và cháu Tăng Kim T (nam), sinh ngày 07/4/2019 hiện các cháu đang do chị P nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có. Qúa trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm ngày càng phai nhạt nên không còn yêu thương nhau, nên từ tháng 5 năm 2020 thì chị P và anh S đã ly thân cho đến nay.

Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh S. Về con chung cháu Tăng Kim Ngọc Y và cháu Tăng Kim T đang sống chung với chị P nên chị P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P, đồng thời anh S cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh S, giao con chung là cháu Tăng Kim Ngọc Y (nữ), sinh ngày 30/10/2012 và cháu Tăng Kim T (nam), sinh ngày 07/4/2019 cho chị P nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu Y nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu Y có nguyện vọng sống với chị P. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh S, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị P nhận thấy hôn nhân của chị P và anh S là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2012. Quan hệ hôn nhân của chị P và anh S không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do Th tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị P nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh S nên có nguyện vọng ly hôn. Chị P và anh S đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị P suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh S, nhưng chị P vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị P và anh S có 02 người con chung tên Tăng Kim Ngọc Y (nữ), sinh ngày 30/10/2012 và cháu Tăng Kim T (nam), sinh ngày 07/4/2019 chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con và ý kiến của cháu Y nếu cha mẹ không sống chung với nhau, cháu Y có nguyện vọng sống chung với chị P. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Y, cháu T không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Tăng Kim Ngọc Y và Tăng Kim T cho chị P nuôi dưỡng. Xét thấy, chị P hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị P đối với bị đơn anh Tăng Col S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị P được ly hôn với anh Tăng Col S.
- Về con chung: Giao con chung là cháu Tăng Kim Ngọc Y (nữ), sinh ngày 30/10/2012 và cháu Tăng Kim T (nam), sinh ngày 07/4/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Y, cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Tăng Col S không phải cấp dưỡng nuôi con, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tăng Kim Ngọc Y, Tăng Kim T của chị P thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006311, ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Tăng Col S không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vc;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng